

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2021.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Kiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1) Ông Trần Văn Thuận.

2) Ông Ma Thịnh Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 85/2021/TLST- HNGĐ ngày 20/5/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXX - HNGĐ ngày 06/9/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Th, sinh năm: 1988. Trú tại: Xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền để giải quyết về chia tài sản chung của nguyên đơn: Ông Bùi Doãn Sâm, sinh năm: 1971. Trú tại: Xóm Thống Nhất, xã Trung Hội, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 25/3/2021. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trung K, sinh năm: 1975. Trú tại: Xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền để giải quyết về chia tài sản chung của bị đơn: Bà Lương Thị C, sinh năm: 1951. Trú tại: Xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Văn bản ủy quyền chứng thực ngày 31/5/2021. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng

Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng – Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Đình Lương - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ.

Địa chỉ trụ sở Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ : Tổ dân phố Bãi Á 1, thị trấn Chợ Chu, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quyết định về việc ủy quyền số 1401/QĐ – NHCS, ngày 16/4/2012 của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Ông Ma Đình Lương ủy quyền cho ông Nguyễn Phúc Huệ - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Văn bản ủy quyền số 123/ NHCS - UQ ngày 13/9/2021. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trung K tìm hiểu, quen biết, đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 20/11/2006. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2018, thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh K thường hay uống rượu, không quan tâm đến cuộc sống gia đình vợ, con; thường chửi mắng xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, nhiều khi vợ chồng cãi vã, to tiếng, thậm chí xảy ra xô xát. Chị đã phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tạm lánh nhiều lần, và nhờ bạn bè, anh em trong gia đình khuyên giải nhưng khi chị cùng các con trở về nhà anh K vẫn không có sự thay đổi, vẫn thường uống rượu say và chửi mắng xúc phạm vợ. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chịu đựng được nên từ tháng 11/2020, chị đã phải đưa cả 02 con đi ở nhờ tại nhà bố mẹ nuôi cùng xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trung Kh, sinh ngày 14/8/2006, Nguyễn Thị Minh Th, sinh ngày 05/5/2010. Từ tháng 11/2020 đến nay chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung. Khi ly hôn, chị đề nghị

được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có các tài sản chung sau:

+ Diện tích 91.1m² đất ở tại nông thôn tại thửa đất số 202 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CO 828864, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04523 ngày 12/9/2018, năm 2016 vợ chồng xây 01 nhà 02 tầng.

+ Diện tích 150.2m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 668 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CQ 040542, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04567 ngày 22/11/2018, năm 2020 vợ chồng xây tường bao quanh thửa đất và trồng chuối.

+ Diện tích 807.2m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa đất số 357 tờ bản đồ địa chính số 8 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CQ 040541, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 04568 ngày 22/11/2018, hiện cho người khác cấy.

Khi ly hôn chị đề nghị được sử dụng ngôi nhà xây 02 tầng trên thửa đất số 202, tờ bản đồ số 9 xã TL để chị và các con sinh sống. Đề nghị anh K quản lý, sử dụng 02 thửa đất số 688 tờ bản đồ địa chính số 9, thửa đất số 357 tờ bản đồ 8 và tài sản trên đất còn lại. Chị sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản tiền bù chênh lệch về giá trị tài sản cho anh K.

Về nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng chị nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ số tiền 25.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của ngân hàng.

Chị đề nghị mỗi người chịu trách nhiệm trả ½ nợ gốc là 12.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng: Chị Th đề nghị mỗi người chịu 1/2 số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bị đơn, anh Nguyễn Trung K trình bày:

Về quá trình kết hôn, quá trình chung sống giữa anh với chị Th như chị Th trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng anh xác định: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ khoảng giữa năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th không tôn trọng anh, tự ý quyết định mọi công việc trong gia đình, không hỏi ý kiến, không bàn bạc với anh. Vì vậy, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Anh có

được đánh chị Th và đuổi chị ra khỏi nhà một lần, do sau khi uống rượu, chị Th có những lời lẽ coi thường anh, không kìm chế được nên anh đã đánh chị Th. Sau đó, chị Th đã tự ý bỏ nhà đi khoảng 3 - 4 lần. Từ khoảng cuối năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân, chị Th cùng 02 con về nhà bố mẹ nuôi của chị tại xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở. Nay chị Th xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Anh K xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trung Khôi, sinh ngày 14/8/2006, Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 05/5/2010. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và hiện đều ở tại nhà bố mẹ nuôi của chị Th. Tại phiên tòa anh đề nghị, khi ly hôn, anh được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K xác định về tài sản chung như chị Th đã trình bày và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là đúng:

Khi ly hôn, anh K đề nghị chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản chung bằng hiện vật gồm 03 thửa đất và ngôi nhà cùng các tài sản khác.

Về nợ chung: Anh K xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 25.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh đề nghị mỗi người chịu trách nhiệm trả 12.500.000 đồng số nợ gốc và lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ cung cấp và có ý kiến: Vợ chồng chị Đặng Thị Th, anh Nguyễn Trung K có 1 khoản vay chung tại Ngân hàng chính sách xã hội qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ. Số tiền vay là 25.000.000 đồng, theo sổ vay vốn mã số 230703, mang tên Nguyễn Trung K, sinh năm: 1975. địa chỉ: Xóm Tiến Lợi, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Mã khách hàng: 20000102375. Mã món vay: 6600000710523469. Ngày vay: 18/6/2017, thời hạn trả nợ là ngày 18/6/2032, lãi suất hàng tháng là 0.25%.

Đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ đề nghị vợ chồng anh K, chị Th có trách nhiệm trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đúng theo khế ước vay tại Ngân hàng.

Về tài sản chung, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, kết quả như sau:

- Thửa đất số 202 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên diện tích 91,1m² đất ở tại nông thôn, có giá trị là: 136.650.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

01 ngôi nhà xây 02 tầng trên thửa đất có giá trị là: 402.912.000đ (bốn trăm linh hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

- Thừa đất số 668 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên diện tích 150, 2m² đất trồng cây lâu năm, có giá trị là 6.909.200đ (sáu triệu chín trăm linh chín nghìn hai trăm đồng).

Tường xây bao quanh thửa đất có giá trị là 14.470.400 đồng (mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

14 cây chuối có giá trị là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Thừa đất số 357 tờ bản đồ địa chính số 8 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 807.2m² đất chuyên trồng lúa nước có giá trị là 41.974.400 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản chung là 604.316.000 đồng (sáu trăm linh bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Tòa án đã tiến hành công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Do hai bên đương sự không thỏa thuận về việc nuôi con, chia tài sản chung. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Th và anh K giữ nguyên quan điểm yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản chung như trên.

Về nợ chung: Chị Th, anh K với đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ thống nhất: Chị Th và anh K mỗi người có trách nhiệm trả 12.500.000 đồng tiền nợ gốc và lãi theo quy định của Ngân hàng.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ sự tự nguyện ly hôn của chị Th và anh K, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Th và anh Nguyễn Trung K.

Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh K do chị Th tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Căn cứ các điều 59, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Chia cho chị Th và anh K mỗi người ½ giá trị tài sản chung. Việc giao tài sản

bằng hiện vật đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con chưa thành niên. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Th, anh K với đại diện Phòng gia dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ: Chị Th và anh K mỗi người có trách nhiệm trả 12.500.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của Ngân hàng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; vì vậy, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh, lấy lời khai của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Nguyễn Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Th thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, cả chị Th và anh K đều xác định quá trình chung sống do vợ chồng thường bất đồng về quan điểm từ đó nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, thậm chí xảy ra xô xát, mâu thuẫn đã quá trầm trọng vợ chồng sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị Th và anh K đều tự nguyện ly hôn. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh K theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Th và anh Nguyễn Trung K có 02 con chung là Nguyễn Trung Khôi, sinh ngày 14/8/2006, Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 05/5/2010. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng chị Th tại xóm TL, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Th và anh K không thống nhất được việc nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị Th đều yêu cầu sau khi ly hôn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi con trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị Th xác định hiện chị làm thuê, mức thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000 đồng, đảm bảo nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về phía anh K, trong quá trình giải quyết vụ án, anh K nhất trí cho chị Th nuôi cả 02 con và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con với lý do anh không có việc làm, không có thu nhập gì ổn định, hàng ngày tại địa phương, ai thuê gì anh làm nấy, mỗi tháng, thu nhập bình quân của anh khoảng 1.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải, anh K đề nghị được nuôi dưỡng 01 cháu, không có yêu cầu cụ thể là trực tiếp nuôi dưỡng cháu nào, đề nghị Tòa án xem xét và giao cho 01 cháu. Tại phiên tòa, anh K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng thỏa thuận người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của cháu Nguyễn Trung Khôi, cháu Nguyễn Thị Minh Thư, nguyện vọng của hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Hiện nay, cả cháu Khôi và cháu Thư đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý, hình thành nhân cách, cần sự quan tâm, gần gũi, ân cần, chia sẻ, chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị Đặng Thị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung được phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần, cũng như môi trường sống, và cũng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc cấp dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Th không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, xét việc không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con của chị Th là hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh K.

- Về tài sản chung: Anh K đề nghị chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản chung gồm cả 03 thửa đất và ngôi nhà. Chị Th đề nghị được sử dụng 01 ngôi nhà xây 02 tầng trên thửa đất số 202, tờ bản đồ số 9 – bản đồ địa chính xã TL.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giải quyết quan hệ tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con chưa thành niên, chị Th là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh K có điều kiện để xây dựng, tạo lập nơi ở mới hơn chị Th. Vì vậy, cần giao ngôi nhà trên thửa đất số 202 tờ bản đồ địa chính số 09 tại xã TL, huyện Đ, để chị Th có điều kiện về chỗ ở nuôi dưỡng các con chung là phù hợp. Chị Th thanh toán cho anh K phần giá trị tài sản chênh lệch cho anh K để anh K tạo lập chỗ ở mới. Cụ thể:

Giao cho chị Th quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số 202 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên diện tích 91,1m² đất ở tại nông thôn, có giá trị là: 136.650.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

01 ngôi nhà xây 02 tầng trên thửa đất có giá trị là: 402.912.000đ (bốn trăm linh hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản giao cho chị Th quản lý sử dụng có giá trị là: 539.562.000 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Chị Th có trách nhiệm thanh toán bù chênh lệch về tài sản cho anh K là: 539.562.000 đồng – 302.158.800 đồng = 237.404.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng).

Giao cho anh K quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số 668 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên diện tích 150,2m² đất trồng cây lâu năm, có giá trị là 6.909.200 đồng (sáu triệu chín trăm linh chín nghìn hai trăm đồng).

Tường xây bao quanh thửa đất có giá trị là 14.470.400 đồng (mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng).

14 cây chuối có giá trị là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Thửa đất số 357 tờ bản đồ địa chính số 8 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 807,2m² đất chuyên trồng lúa nước có giá trị là 41.974.400 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản giao cho anh K quản lý, sử dụng là: 64.754.000 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Anh K được sở hữu số tiền chị Th thanh toán bù chênh lệch về tài sản là 237.404.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng).

Về nợ chung: Vợ chồng chị Đặng Thị Th, anh Nguyễn Trung K có 1 khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ. Số tiền vay là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo sổ vay vốn mã số 230703, mang tên Nguyễn Trung K, sinh năm:1975. địa chỉ:

Xóm Tiến Lợi, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Mã khách hàng: 20000102375. Mã món vay: 6600000710523469.

Tại phiên tòa, chị Th, anh K với đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ đã thỏa thuận: Chị Th và anh K mỗi người có trách nhiệm trả 12.500.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của Ngân hàng.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.500.000 đồng. Anh K và chị Th mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí trên là 1.750.000 đồng. Chị Th đã nộp 3.500.000 đồng, anh K phải thanh toán cho chị Th số tiền 1.750.000 đồng chị Th đã nộp.

- Về án phí: Chị Th, anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các điều 39, 147, 157, 165, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Th với anh Nguyễn Trung K.

2. *Về con chung:* Giao 02 con chung là Nguyễn Trung Khôi, sinh ngày 14/8/2006 và Nguyễn Thị Minh Thư, sinh ngày 05/5/2010 cho chị Đặng Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Trung K có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Trung K do chị Đặng Thị Th tự nguyện không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung:*

Giao cho chị Đặng Thị Th quản lý, sử dụng:

- Thửa đất số 202 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 91,1m² đất ở tại nông thôn, có giá trị là: 136.650.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

01 ngôi nhà xây 02 tầng trên thửa đất có giá trị là: 402.912.000 đồng (bốn trăm linh hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

Chị Th có trách nhiệm thanh toán bù chênh lệch về tài sản cho anh K là: 237.404.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng).

Giao cho anh K quản lý, sử dụng:

- Thừa đất số 668 tờ bản đồ địa chính số 9 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên diện tích 150, 2m² đất trồng cây lâu năm, có giá trị là 6.909.200 đồng (sáu triệu chín trăm linh chín nghìn hai trăm đồng). Tường xây bao quanh thửa đất có giá trị là 14.470.400 đồng (mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn bốn trăm đồng); 14 cây chuối trên thửa đất có giá trị là 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Thừa đất số 357 tờ bản đồ địa chính số 8 xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 807.2m² đất chuyên trồng lúa nước có giá trị là 41.974.400 đồng (bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản giao cho anh K quản lý, sử dụng là: 64.754.000 đồng (sáu mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Anh K được sở hữu số tiền chị Th thanh toán bù chênh lệch về tài sản là 237.404.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm linh bốn nghìn đồng).

Anh K phải thanh toán cho chị Th số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Th, anh K với đại diện Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ: Chị Th và anh K mỗi người có trách nhiệm trả 12.500.000 đồng (mười hai nghìn năm trăm đồng) tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo sổ vay vốn mã số 230703, mang tên Nguyễn Trung K, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Xóm Tiến Lợi, xã TL, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Mã khách hàng: 20000102375. Mã món vay: 6600000710523469.

5. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 15.107.900 đồng (mười lăm triệu một trăm linh bảy nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về phần tài sản được chia). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 17.300.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007014 ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại chị Th số tiền 1.892.100 đồng (một triệu tám trăm chín mươi hai nghìn một trăm đồng).

Anh K phải chịu 15.107.900 đồng (mười lăm triệu một trăm linh bảy nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về phần tài sản được chia) sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Kiêm